

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN  
HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh,  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 40



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27/6/2020)
Ông Phạm Ngọc Vui	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/6/2020)
Ông Đặng Ngọc Cương	Thành viên
Ông Trần Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên
Ông Võ Đức Hiếu	Thành viên

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Thành viên
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/02/2021)
Bà Vương Thị Phúc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, *pa*



**Ngô Hồng Minh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 27 tháng 02 năm 2021

789-4  
NG T  
NH  
N & T  
[ET]  
NHÁ  
A NỘI  
Y-T



Số: 14/2021/RSMHN-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 40.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

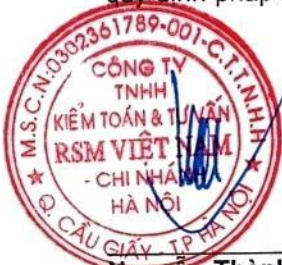
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thành Lâm**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0299-2018-026-1

*Thay mặt và đại diện*

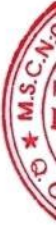
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2021

**Hoàng Thị Vinh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2018-026-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>150.431.979.404</b>	<b>151.531.566.558</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>10.264.951.217</b>	<b>6.064.114.071</b>
1. Tiền	111		10.264.951.217	6.064.114.071
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>70.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	70.000.000.000	60.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.437.636.925</b>	<b>66.261.714.595</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	43.638.723.449	65.997.968.013
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		301.413.249	73.107.663
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	17.701.185.180	1.394.323.872
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>7.308.844.631</b>	<b>10.814.217.757</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.308.844.631	10.814.217.757
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.420.546.631</b>	<b>8.391.520.135</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	575.166.000	1.018.309.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	-	7.177.983.980
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	1.845.380.631	195.227.063
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>421.671.227.130</b>	<b>457.330.277.202</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.696.900.000</b>	<b>1.723.600.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.696.900.000	1.723.600.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>419.366.949.838</b>	<b>442.841.728.369</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	418.457.238.081	441.473.380.248
Nguyên giá	222		567.548.146.535	556.827.808.621
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.090.908.454)	(115.354.428.373)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	909.711.757	1.368.348.121
Nguyên giá	228		4.998.381.818	4.998.381.818
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.088.670.061)	(3.630.033.697)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>1.887.551.613</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.887.551.613
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>607.377.292</b>	<b>10.877.397.220</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	607.377.292	10.877.397.220
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>572.103.206.534</b>	<b>608.861.843.760</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2020


Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>419.042.342.976</b>	<b>387.287.387.438</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>147.330.310.173</b>	<b>120.316.283.399</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	23.558.817.681	44.437.343.249
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		180.170.420	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	811.397.252	1.045.881.568
4. Phải trả người lao động	314		11.186.717.294	29.100.670.472
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	6.816.412.617	601.832.958
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	27.166.844.868	92.018.182
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	74.031.442.732	41.307.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.578.507.309	3.731.036.970
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>271.712.032.803</b>	<b>266.971.104.039</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	271.712.032.803	266.971.104.039
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>153.060.863.558</b>	<b>221.574.456.322</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.15</b>	<b>153.060.863.558</b>	<b>221.574.456.322</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.490.980.000	179.490.980.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(8.880.000)	(8.880.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.421.236.442)	42.092.356.322
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.714.165.127	11.373.491.552
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối năm nay	421b		(38.135.401.569)	30.718.864.770
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>572.103.206.534</b>	<b>608.861.843.760</b>



Ngô Hồng Minh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 27 tháng 02 năm 2021

  
Võ Đức Hiếu  
Kế toán trưởng

  
Vũ Thị Thu Hà  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	269.324.651.979	669.279.623.708
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	2.211.658.806	21.920.789.519
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>267.112.993.173</b>	<b>647.358.834.189</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	264.521.968.734	552.158.664.018
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>2.591.024.439</b>	<b>95.200.170.171</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	5.379.247.064	3.814.885.968
7. Chi phí tài chính	22	5.5	26.988.323.949	26.141.712.659
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.867.653.693	25.920.534.404
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	3.099.665.421	5.398.592.431
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	16.496.426.586	25.765.063.083
<b>10. (Lỗ)/LN thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(38.614.144.453)</b>	<b>41.709.687.966</b>
11. Thu nhập khác	31		498.047.090	1.455.408.404
12. Chi phí khác	32		19.304.206	32.348.177
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>478.742.884</b>	<b>1.423.060.227</b>
<b>14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(38.135.401.569)</b>	<b>43.132.748.193</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	-	8.768.007.228
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. (Lỗ)/LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(38.135.401.569)</b>	<b>34.364.740.965</b>
18. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	(2.125)	1.519
19. (Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.15.4	(2.125)	1.519



Ngô Hồng Minh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 27 tháng 02 năm 2021

Võ Đức Hiếu  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	5.8	(38.135.401.569)	43.132.748.193
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.10	34.195.116.445	41.822.974.093
- Lỗ/(lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		43.365.702	(6.935.651)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(4.978.840.493)	(3.621.726.424)
- Chi phí lãi vay	06	5.5	26.867.653.693	25.920.534.404
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.991.893.778	107.247.594.615
- Giảm các khoản phải thu	09		14.798.450.548	8.420.117.454
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		3.505.373.126	(964.161.163)
- (Giảm) các khoản phải trả	11		(29.333.736.308)	(12.133.135.435)
- Giảm chi phí trả trước	12		2.725.119.500	3.894.593.913
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.658.767.235)	(25.786.775.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.8	(1.650.153.568)	(10.959.514.544)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	50.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.608.405.856)	(6.385.790.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.230.226.015)	63.382.929.840
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(8.549.440.660)	(89.435.698.677)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.373.529.091
3. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.558.998.027	3.008.495.949
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.990.442.633)	(115.053.673.637)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		116.443.867.783	91.606.709.870
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(78.978.996.287)	(33.923.227.517)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.15	-	(39.481.908.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.464.871.496	18.201.574.173
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		4.244.202.848	(33.469.169.623)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	6.064.114.071	39.522.950.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(43.365.702)	10.332.869
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	10.264.951.217	6.064.114.071



Ngô Hồng Minh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 27 tháng 02 năm 2021

Võ Đức Hiếu  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2004 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004824 ngày 07/7/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần 21 ngày 01/02/2021.

Ngày 16/6/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD. Theo đó, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã Chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 16/6/2010 với tên chứng khoán là Cổ phiếu Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, mã chứng khoán NCS.

Ngày 12/11/2015, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là NCS theo Quyết định số 749/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất là 179.490.980.000 VND, chia thành 17.949.098 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP chiếm 60,17% vốn điều lệ và các cổ đông khác nắm giữ 39,83% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính tại sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 615 người (tại ngày 31/12/2019 là 686 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến suất ăn phục vụ: Hành khách của hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- Dịch vụ ăn uống khác: Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không. Cung cấp dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- Buôn bán đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn và bán buôn đồ uống không có cồn;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp để chế biến suất ăn;
- Sản xuất các loại bánh từ bột.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động trong năm 2020 của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh, sản xuất chịu nhiều tác động do đại dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Theo đó, Công ty được cơ cấu lại thời hạn trả nợ các khoản vay trung và dài hạn theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

1789-  
CÔNG T  
TNHH  
ÁN & T  
VIỆT  
NHÀ  
À NỘI  
Y - T



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí trả trước dài hạn (Công cụ dụng cụ, trang phục, chi phí mua ngoài khác...) được Công ty phân bổ từ 02 - 03 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Năm 2020 (năm)	Năm 2019 (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50	05 – 40
Máy móc, thiết bị	03 – 15	03 – 12
Phương tiện vận tải	03 – 10	03 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10	03 – 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

##### **Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

#### 3.9 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

#### 3.10 Vốn chủ sở hữu

##### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### **Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

##### **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 Vốn chủ sở hữu (tiếp)*****Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.11 Doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.13 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo, chăm sóc khách hàng, phí nhượng quyền khai thác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, chi phí trang phục của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...) và các chi phí bằng tiền khác.

**3.14 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.14 Ngoại tệ (tiếp)**

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

**3.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.17 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.18 Thuế****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2020, Công ty hoạt động lỗ nên không phát sinh nghĩa vụ thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

1789  
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI  
HÀ NỘI



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.18 Thuế (tiếp)**

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- |  |     |
|--|-----|
| ▪ Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc tế  | 0%  |
| ▪ Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc nội | 10% |
| ▪ Các dịch vụ khác                                       | 10% |

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.19 Công cụ tài chính**

***Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày***

***Tài sản tài chính***

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

***Giá trị sau ghi nhận lần đầu***

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	18.682.000	16.817.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.246.269.217	6.047.297.071
<b>Cộng</b>	<b>10.264.951.217</b>	<b>6.064.114.071</b>

**4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đồng Đa (i)	70.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

(i) Số dư tại ngày 31/12/2020 của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 18 tháng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đồng Đa. Lãi suất từ 7,35% - 8,1%/năm.

**4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>35.416.579.946</b>	<b>32.919.465.648</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	34.366.349.525	31.651.575.896
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	-	262.503.450
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	9.779.000	299.600.000
Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	218.473.601	114.335.936
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	-	373.599.864
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	147.304.960	217.850.502
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Đoàn tiếp viên	674.672.860	-
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>8.222.143.503</b>	<b>33.078.502.365</b>
Korean Air	-	7.506.668.426
Asiana Airlines	122.855.731	2.072.484.934
Nippon Airways	1.293.438.353	5.144.366.468
Aeroflot Russian Intl Airlines - SU	69.758.988	3.648.591.013
Emirates - EK	2.128.930.966	4.079.508.005
China Airlines Limited	-	3.000.444.046
Công ty TNHH MTV Vinschool	1.681.362.650	-
Các khách hàng khác	2.925.796.815	7.626.439.473
<b>Cộng</b>	<b>43.638.723.449</b>	<b>65.997.968.013</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu bên liên quan	12.922.115.776	-
<i>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (i)</i>	12.922.115.776	-
Phải thu bên thứ ba	4.779.069.404	1.394.323.872
<i>Tạm ứng</i>	271.158.931	326.630.778
<i>Lãi tiền gửi</i>	4.202.773.973	782.931.507
<i>Phải thu khác</i>	305.136.500	284.761.587
<b>Cộng</b>	<b>17.701.185.180</b>	<b>1.394.323.872</b>

(i) Chi tiết xem tại Thuyết minh 5.1 "Doanh thu bán hàng và dịch vụ".

**4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Hàng không Đồng Dương	1.203.684.953	1.203.684.953
<b>Cộng</b>	<b>1.203.684.953</b>	<b>1.203.684.953</b>

Đây là khoản phải thu đã quá hạn 05 năm, Ban Giám đốc đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

**4.6 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.854.428.047	9.292.812.060
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	454.416.584	1.521.405.697
<b>Cộng</b>	<b>7.308.844.631</b>	<b>10.814.217.757</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.7 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	324.666.000	300.616.364
Phí gia hạn Database	250.500.000	250.500.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	467.192.728
<b>Cộng</b>	<b>575.166.000</b>	<b>1.018.309.092</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	437.892.438	9.520.118.420
Chi phí trả trước dài hạn khác	169.484.854	1.357.278.800
<b>Cộng</b>	<b>607.377.292</b>	<b>10.877.397.220</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2020	165.713.347.668	238.548.661.818	107.316.345.029	45.249.454.106	556.827.808.621
Mua sắm	-	844.742.781	-	-	844.742.781
Điều chỉnh nguyên giá theo quyết toán (i)	19.090.380.053	(8.325.241.285)	-	(889.543.635)	9.875.595.133
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>184.803.727.721</b>	<b>231.068.163.314</b>	<b>107.316.345.029</b>	<b>44.359.910.471</b>	<b>567.548.146.535</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2020	5.696.396.326	40.296.295.327	49.848.929.113	19.512.807.607	115.354.428.373
Khấu hao (ii)	3.457.444.804	16.638.286.142	8.259.736.181	5.381.012.954	33.736.480.081
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>9.153.841.130</b>	<b>56.934.581.469</b>	<b>58.108.665.294</b>	<b>24.893.820.561</b>	<b>149.090.908.454</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2020	160.016.951.342	198.252.366.491	57.467.415.916	25.736.646.499	441.473.380.248
Tại ngày 31/12/2020	175.649.886.591	174.133.581.845	49.207.679.735	19.466.089.910	418.457.238.081

Tại ngày 31/12/2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 51.420.765.180 VND (tại ngày 31/12/2019 là 46.420.465.289 VND).

Tài sản của Công ty được thế chấp được trình bày tại Thuyết minh số 4.14 "Vay và nợ thuê tài chính" bao gồm:

- Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" và quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" đã được thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVDADTL/NHCT144-NCS ngày 13/6/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh;
- Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm 04 xe nâng suất ăn lên máy bay có hệ thống bảo quản lạnh được thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/11885722/HĐTD ngày 28/01/2019 với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lâm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.8 Tài sản cố định hữu hình (tiếp)**

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-NCS-HĐQT ngày 27/6/2020 của Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Báo cáo quyết toán hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài giai đoạn 1, theo đó, tổng giá trị quyết toán của dự án là 435.564.797.437 VND, trong đó giá trị tài sản cố định hữu hình là **427.008.835.722 VND**. Phần chênh lệch giữa giá trị quyết toán với giá trị tạm tăng ban đầu **9.875.595.133 VND**, Công ty đã thực hiện điều chỉnh trong quý III/2020 chi tiết cho từng tài sản cấu thành.

Công ty đã điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết tại Nghị quyết số 01/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2017 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty về phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ Công ty như sau: "Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ sẽ được dùng để đầu tư vào các Gói thầu thuộc giai đoạn 01 của Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài". Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã hoàn tất các thủ tục và công bố thông tin theo quy định.

(ii) Tình hình sản xuất kinh doanh và sử dụng tài sản cố định của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19. Do đó Công ty đã xem xét lại ước tính kế toán về khấu hao TSCĐ bằng cách thay đổi thời gian khấu hao của các tài sản cố định hữu hình bao gồm một số phương tiện vận tải và các tài sản thuộc Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài tại Quyết định số 136/QĐ-NCS ngày 14/12/2020 của Tổng Giám đốc và đã hoàn tất các thủ tục thông báo với cơ quan thuế. Các điều chỉnh này đã được thực hiện trong quý IV/2020. Việc thay đổi ước tính kế toán này dẫn đến chi phí khấu hao năm 2020 của Công ty giảm đi 8.871.767.759 VND.

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2020	4.998.381.818	4.998.381.818
Tại ngày 31/12/2020	4.998.381.818	4.998.381.818
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2020	3.630.033.697	3.630.033.697
Khấu hao	458.636.364	458.636.364
Tại ngày 31/12/2020	4.088.670.061	4.088.670.061
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2020	1.368.348.121	1.368.348.121
Tại ngày 31/12/2020	909.711.757	909.711.757

Tại ngày 31/12/2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.837.664.476 VND (tại ngày 31/12/2019 là 2.588.114.476 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>177.197.236</b>	<b>513.961.537</b>
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	123.448.061	307.890.253
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	14.780.194	58.780.426
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	38.968.981	147.290.858
<b>Phải trả người bán bên thứ ba</b>	<b>23.381.620.445</b>	<b>43.923.381.712</b>
Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp	1.064.991.100	2.554.161.840
Công ty TNHH Hoàng Lộc	703.337.840	2.474.360.245
Công ty TNHH Thiên Sơn	1.551.856.220	3.046.461.705
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	-	4.201.377.000
Công ty CP Quốc tế Bảo Thạch	-	2.161.538.325
Công ty CP Công nghiệp lạnh Hưng Trí	-	827.087.500
Công ty TNHH Thương mại Dương Quang	1.931.112.975	1.592.545.310
Công ty CP Thực phẩm Richy Miền Nam	964.557.000	1.242.214.050
Công ty CP Đầu tư Phát triển Phú Đức	1.334.416.430	1.694.192.400
Công ty CP Đại Tân Việt	1.715.544.763	1.404.146.022
Các nhà cung cấp khác	14.115.804.117	22.725.297.315
<b>Cộng</b>	<b>23.558.817.681</b>	<b>44.437.343.249</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.11 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2020 (trình bày lại)		Trong năm		Tại ngày 31/12/2020	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	7.177.983.980		11.275.976.964	18.453.960.945	-	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp /khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	18.709.419.418	19.002.207.857	-	292.788.439
Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.227.063	-	1.650.153.568	-	1.845.380.631	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.045.881.568	1.598.095.063	1.070.822.308	-	518.608.813
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	846.410.624	846.410.624	-	-
<b>Cộng</b>	<b>195.227.063</b>	<b>1.045.881.568</b>	<b>22.807.078.673</b>	<b>20.922.440.789</b>	<b>1.845.380.631</b>	<b>811.397.252</b>

Trong đó, tổng số tiền thuế đã nộp vào Ngân sách Nhà nước trong năm 2020 là 4.353.117.727 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.696.911.842	488.025.384
Chi phí phải trả khác	119.500.775	113.807.574
<b>Cộng</b>	<b>6.816.412.617</b>	<b>601.832.958</b>

**4.13 Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>26.922.315.000</b>	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (i)	26.922.315.000	-
<b>Các khoản phải trả bên thứ ba</b>	<b>244.529.868</b>	<b>92.018.182</b>
BHYT, BHTN, BHXH, KPCĐ	228.376.048	79.864.362
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.153.820	12.153.820
<b>Cộng</b>	<b>27.166.844.868</b>	<b>92.018.182</b>

(i) Theo Nghị quyết số 02/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 28/12/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, khoản cổ tức năm 2019 sẽ được gia hạn chi trả đến trước ngày 31/12/2021.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.14 Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2020 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (i)	291.278.604.039	11.313.428.764	2.280.000.000	300.312.032.803
Vay ngắn hạn	38.120.000.000	2.280.000.000	-	40.400.000.000
Vay dài hạn	253.158.604.039	9.033.428.764	2.280.000.000	259.912.032.803
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Gia Lâm	17.000.000.000	110.010.439.019	81.578.996.287	45.431.442.732
Vay thấu chi (ii)	-	97.059.646.108	78.391.496.287	18.668.149.821
Vay ngắn hạn (iii)	-	9.763.292.911	-	9.763.292.911
Nợ dài hạn đến hạn trả (iv)	3.187.500.000	2.600.000.000	587.500.000	5.200.000.000
Vay dài hạn (iv)	13.812.500.000	587.500.000	2.600.000.000	11.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>308.278.604.039</b>	<b>121.323.867.783</b>	<b>83.858.996.287</b>	<b>345.743.475.535</b>

(i) Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVDADTL/NHCT144-NCS ngày 13/6/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh với hạn mức 330.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 120 tháng.

**Lãi suất của hợp đồng**

- Lãi suất 7,5%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Sau 12 tháng lãi suất được áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 1,8%/năm;
- Lãi vay được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ thanh toán lãi đầu tiên là ngày 25/9/2017.

**Tài sản thế chấp**

- Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư theo hợp đồng thế chấp số 27/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính 261.640.751.959 VND;
- Quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ Dự án đầu tư "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài – Giai đoạn I" theo hợp đồng thế chấp số 28/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính là 477.349.160.000 VND.

Thời gian ân hạn gốc của khoản vay được xác định là 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

Trong vòng năm (05) ngày làm việc sau “ngày cuối cùng của Thời gian Ân hạn”, bên cho vay sẽ lập và thông báo lịch trả nợ gốc xác định số dư nợ gốc phải thanh toán từng kỳ. Nợ gốc sẽ được thanh toán trong ba mươi hai (32) kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng. Theo văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay số 68/2017/HĐCVĐATL/NHCT144-NCS được lập ngày 25/12/2020, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/3/2021.

(ii) Tại ngày 30/9/2020, đây là khoản vay thấu chi theo hợp đồng thấu chi với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) số 03/2020/11885722/HĐHMTC ngày 07/8/2020 với hạn mức 20.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(iii) Hợp đồng tín dụng hạn mức theo số hợp đồng 02/2020/11885722/HĐTD ngày 7/8/2020 với thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân, tổng hạn mức đối đa là 30.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lãi suất 5,4%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm VND dân cư trả sau kỳ hạn 03 tháng của BIDV tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 1,1%. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi từ ngày 26/3/2020 đến ngày 26/3/2021.

(iv) Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 01/2019/11885722/HĐTD ngày 28/01/2019 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lâm với hạn mức vay tối đa 17.000.000.000 VND để đầu tư xe nâng suất ăn lên máy bay có hệ thống bảo quản lạnh. Thời hạn vay 60 tháng. Nợ gốc được thanh toán trong 16 kỳ (03 tháng 1 lần).

Lãi suất 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân, sau đó áp dụng lãi suất tiết kiệm VND dân cư trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%; Lãi suất vay được điều chỉnh 06 tháng/lần.

Công ty sử dụng tài sản hình thành sau vốn vay để đảm bảo cho khoản vay.

**Lịch trả nợ**

Dựa trên số dư gốc vay hiện tại, số tiền tối thiểu Công ty sẽ phải thanh toán gốc trong các năm với lịch trả nợ như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trong vòng 01 năm	74.031.442.732	41.307.500.000
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	173.400.000.000	166.292.500.000
Sau 05 năm	98.312.032.803	100.678.604.039
<b>Cộng</b>	<b>345.743.475.535</b>	<b>308.278.604.039</b>
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng	74.031.442.732	41.307.500.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>271.712.032.803</b>	<b>266.971.104.039</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.15 Vốn chủ sở hữu****4.15.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối/ (lỗ) lũy kế (trình bày lại) VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>179.490.980.000</b>	<b>(8.880.000)</b>	<b>50.849.553.552</b>	<b>230.331.653.552</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	43.132.748.193	43.132.748.193
Thuế TNDN phải nộp	-	-	(8.768.007.228)	(8.768.007.228)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	(39.486.062.000)	(39.486.062.000)
Điều chỉnh quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2018	-	-	10.000.000	10.000.000
Tạm trích quỹ thưởng Ban Điều hành 2019	-	-	(290.000.000)	(290.000.000)
Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi năm 2019	-	-	(3.355.876.195)	(3.355.876.195)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>179.490.980.000</b>	<b>(8.880.000)</b>	<b>42.092.356.322</b>	<b>221.574.456.322</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>179.490.980.000</b>	<b>(8.880.000)</b>	<b>42.092.356.322</b>	<b>221.574.456.322</b>
(Lỗ) trước thuế	-	-	(38.135.401.569)	(38.135.401.569)
Chia cổ tức năm 2019 (i)	-	-	(26.922.315.000)	(26.922.315.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng HĐQT, BKS, BĐH 2019	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi năm 2019	-	-	(3.355.876.195)	(3.355.876.195)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>179.490.980.000</b>	<b>(8.880.000)</b>	<b>(26.421.236.442)</b>	<b>153.060.863.558</b>

(i) Chi tiết xem tại Thuyết minh 4.13 "Phải trả ngắn hạn khác".





**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
 huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận		Số vốn đã góp			
	ĐKDN VND	%	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
			VND	%	VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	108.006.070.000	60,17	108.006.070.000	60,17	108.006.070.000	60,17
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	18.002.945.000	10,03	18.001.000.000	10,03	18.001.000.000	10,03
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	3.060.150.000	1,70	3.060.150.000	1,70	3.060.150.000	1,70
Các cổ đông khác	50.421.815.000	28,10	50.414.880.000	28,09	50.414.880.000	28,09
Cổ phiếu quỹ	-	-	8.880.000	0,01	8.880.000	0,01
<b>Cộng</b>	<b>179.490.980.000</b>	<b>100</b>	<b>179.490.980.000</b>	<b>100</b>	<b>179.490.980.000</b>	<b>100</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.15.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020 <b>Cổ phiếu</b>	Tại ngày 01/01/2020 <b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.970.057	17.970.057
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.949.098	17.949.098
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.949.098	17.949.098
Số lượng cổ phiếu được mua lại	888	888
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	888	888
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.948.210	17.948.210
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.948.210	17.948.210
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.15.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 <b>VND</b>	Năm 2019 (trình bày lại) <b>VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(38.135.401.569)	34.364.740.965
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(7.101.752.390)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	17.948.210	17.948.210
<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>(2.125)</b>	<b>1.519</b>

Ghi chú: Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**4.16 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	32.035,19	3.402,14



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp suất ăn	183.503.903.396	528.235.721.049
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.424.178.626	139.987.663.475
Doanh thu khác (i)	13.396.569.957	1.056.239.184
<b>Cộng</b>	<b>269.324.651.979</b>	<b>669.279.623.708</b>

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, doanh thu cung cấp suất ăn năm 2020 của Công ty đã giảm 344.731.817.653 VND so với năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do số lượng các chuyến bay trong năm 2020 giảm, một số hãng bay quốc tế dừng bay và các hãng bay nội địa giảm số chuyến bay, dẫn đến sản lượng các suất ăn Công ty cung cấp trong năm 2020 giảm.

(i) Trong năm 2020, Công ty nhận được hỗ trợ chi phí phục vụ phát sinh do đại dịch COVID-19 từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP – Công ty mẹ với tổng số tiền là 12.922.115.776 VND.

**5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chiết khấu thương mại	2.211.658.806	21.920.789.519
<b>Cộng</b>	<b>2.211.658.806</b>	<b>21.920.789.519</b>

**5.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cung cấp suất ăn	199.234.781.765	446.269.588.022
Giá vốn cung cấp dịch vụ	65.287.186.969	105.889.075.996
<b>Cộng</b>	<b>264.521.968.734</b>	<b>552.158.664.018</b>

**5.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.978.840.493	3.008.495.949
Lãi chênh lệch tỷ giá	400.406.571	795.959.786
Doanh thu tài chính khác	-	10.430.233
<b>Cộng</b>	<b>5.379.247.064</b>	<b>3.814.885.968</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.5 Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	26.867.653.693	25.920.534.404
Lỗ chênh lệch tỷ giá	95.475.600	90.972.740
Chi phí tài chính khác	25.194.656	130.205.515
<b>Cộng</b>	<b>26.988.323.949</b>	<b>26.141.712.659</b>

**5.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí chăm sóc khách hàng, chế thử, chào hàng	2.803.715.421	4.495.442.431
Phí nhượng quyền khai thác	295.950.000	903.150.000
<b>Cộng</b>	<b>3.099.665.421</b>	<b>5.398.592.431</b>

**5.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.787.084.157	11.751.066.515
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	247.369.238	574.777.250
Chi phí khấu hao tài sản	4.268.224.187	5.144.621.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.371.517	238.118.494
Chi phí khác bằng tiền	4.876.377.487	8.056.479.614
<i>Chi phí trang phục</i>	<i>169.484.855</i>	<i>479.346.674</i>
<i>Công tác phí</i>	<i>351.350.835</i>	<i>2.084.611.551</i>
<i>Chi phí tiếp khách, hội họp</i>	<i>1.596.884.565</i>	<i>2.451.180.749</i>
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	<i>2.758.657.232</i>	<i>3.041.340.640</i>
<b>Cộng</b>	<b>16.496.426.586</b>	<b>25.765.063.083</b>

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và (lỗ)/lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1789-C  
CÔNG TY  
TNHH  
DÁN & T  
VIỆT  
HI NHÃ  
IÀ NỘI  
ẤY - T



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh

huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)****5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	(trình bày lại) VND
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(38.135.401.569)</b>	<b>43.132.748.193</b>
<b>Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận</b>	<b>16.883.218.208</b>	<b>707.287.945</b>
<b>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</b>	<b>235.340.566</b>	<b>707.287.945</b>
Chi phí không được trừ (i)	235.340.566	707.287.945
<b>Các khoản chênh lệch tạm thời</b>	<b>16.647.877.642</b>	<b>-</b>
Chi phí lãi vay năm 2020 không được trừ theo quy định của Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 (ii)	16.647.877.642	-
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau điều chỉnh</b>	<b>(21.252.183.361)</b>	<b>43.840.036.138</b>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>(21.252.183.361)</b>	<b>43.840.036.138</b>
Thuế suất (%)	20%	20%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>-</b>	<b>8.768.007.228</b>
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>-</b>	<b>8.768.007.228</b>
Thuế TNDN (phải thu)/phải trả đầu năm	(195.227.063)	1.996.280.253
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.650.153.568)	(10.959.514.544)
<b>Thuế TNDN (phải thu) cuối năm</b>	<b>(1.845.380.631)</b>	<b>(195.227.063)</b>

(i) Trong năm 2019, Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch vĩnh viễn với tổng số tiền là 4.737.183.056 VND, trong đó: chi phí lãi vay không được trừ năm 2019 theo quy định của Nghị định 20/2017/NĐ-CP có số tiền là 4.029.895.111 VND và chi phí không được trừ khác 707.287.945 VND. Tuy nhiên, theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 20/2017/NĐ-CP, Công ty đã tính toán lại số chi phí lãi vay không được trừ của năm 2019. Theo đó, số chi phí lãi vay không được trừ năm 2019 của Công ty là 0 VND. Do vậy, số chi phí không được trừ của năm 2019 là 707.287.945 VND.

(ii) Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản chi phí lãi vay năm 2020 không được trừ 16.647.877.642 VND được quyền chuyển sang năm sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)****5.9 Chuyển lỗ**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong năm và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày 01/01/2020 VND	Chưa sử dụng đến ngày 31/12/2020 VND
2020	2025	Chưa quyết toán	21.252.183.361	-	21.252.183.361
<b>Cộng lỗ tính thuế</b>			<b>21.252.183.361</b>	<b>-</b>	<b>21.252.183.361</b>

(i) Lỗ tính thuế được ghi nhận theo tờ khai thuế của Công ty.

Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế 21.252.183.361 VND được quyền chuyển sang năm sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

**5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân công	84.051.697.895	147.097.649.577
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.046.603.426	287.162.905.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.195.116.445	41.822.974.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.633.741.509	41.744.875.903
Chi phí khác bằng tiền	32.123.912.353	65.535.104.970
<b>Cộng</b>	<b>283.051.071.628</b>	<b>583.363.510.075</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Công cụ tài chính**

**6.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.264.951.217	6.064.114.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.036.808.629	69.115.891.885
Đầu tư ngắn hạn	70.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>143.301.759.846</b>	<b>135.180.005.956</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	345.743.475.535	308.278.604.039
Phải trả người bán và phải trả khác	50.725.662.549	44.529.361.431
Chi phí phải trả	6.816.412.617	601.832.958
<b>Cộng</b>	<b>403.285.550.701</b>	<b>353.409.798.428</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

**Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ. Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>USD</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	32.035,19	3.402,14
Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	124.860,40	1.198.339,51
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>USD</b>	-	-
<b>Tài sản tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>156.895,59</b>	<b>1.201.741,65</b>

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu các rủi ro về thay đổi tỷ giá đối với loại ngoại tệ USD. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	Tăng/(giảm) tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
USD	1%	36.062.451	277.734.513

1789-C  
CÔNG TY  
TNHH  
ÁN & T  
VIỆT N  
NHÀ  
À NỘI  
AY - T



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****6.1 Công cụ tài chính (tiếp)****6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)****Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không có rủi ro lãi suất trong ngắn hạn do các khoản tiền gửi, và các khoản nợ vay đang được áp dụng lãi suất cố định.

**Rủi ro về giá nguyên vật liệu**

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Công ty không nắm giữ các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, do đó Công ty không bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Tại ngày 31/12/2020			Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	74.031.442.732	173.400.000.000	98.312.032.803	345.743.475.535
Phải trả người bán và phải trả khác	50.725.662.549	-	-	50.725.662.549
Chi phí phải trả	6.816.412.617	-	-	6.816.412.617
<b>Cộng</b>	<b>131.573.517.898</b>	<b>173.400.000.000</b>	<b>98.312.032.803</b>	<b>403.285.550.701</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****6.1 Công cụ tài chính (tiếp)****6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)****Rủi ro thanh khoản (tiếp)**

	Tại ngày 01/01/2020			Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	41.307.500.000	166.292.500.000	100.678.604.039	308.278.604.039
Phải trả người bán và phải trả khác	44.529.361.431	-	-	44.529.361.431
Chi phí phải trả	601.832.958	-	-	601.832.958
<b>Cộng</b>	<b>86.438.694.389</b>	<b>166.292.500.000</b>	<b>100.678.604.039</b>	<b>353.409.798.428</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

<b>Tên bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	Cổ đông góp vốn
Chi nhánh Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty Bay Dịch vụ Hàng không - VASCO	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - Nasco	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Cùng công ty mẹ tối cao
Văn phòng khu vực miền Bắc	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty CP Sabre Việt Nam	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty CP Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty CP Tin học - Viễn thông Hàng không	Cùng công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa Vinako	Cùng công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Đoàn tiếp viên	Cùng công ty mẹ tối cao
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	



**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh  
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)****Giao dịch với các bên liên quan**

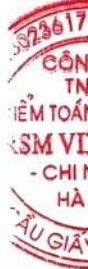
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	182.782.331.747	356.880.684.898
<i>Trong đó: Chiết khấu</i>	-	(13.448.673.480)
<i>Doanh thu cung cấp suất ăn, dịch vụ</i>	169.860.215.971	370.329.358.378
<i>Doanh thu hỗ trợ ảnh hưởng của COVID-19</i>	12.922.115.776	-
Chi nhánh Công ty CP Hàng không Pacific Airlines	214.802.100	2.743.857.850
Công ty Bay Dịch vụ Hàng không - VASCO	675.233.872	1.707.794.010
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	1.200.717.724	3.349.963.636
Công ty CP DV Hàng không Sân bay Nội Bài - Nasco	1.650.869.456	778.381.496
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	279.532.480	1.910.498.100
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay (VAECO)	496.085.455	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	327.636.364	-
Văn phòng khu vực miền Bắc	141.872.727	-
Công ty CP Sabre Việt Nam	77.250.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	56.078.182	-
Công ty CP Hàng hóa Tân Sơn Nhất	115.861.818	-
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	14.986.364	-
Công ty CP Tin học - Viễn thông Hàng không	14.772.727	-
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa Vinako	111.396.364	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Đoàn tiếp viên	3.485.229.597	-
<b>Cộng</b>	<b>191.644.656.977</b>	<b>367.371.179.990</b>

**Mua hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	1.674.280.555	3.423.830.091
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	977.585	42.468.115
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	536.228.469	319.135.551
Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco	146.917.291	635.065.980
<b>Cộng</b>	<b>2.358.403.900</b>	<b>4.420.499.737</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

***Chia cổ tức, chi trả cổ tức và tặng vốn***

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.15.1 "Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu".

***Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc***

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.311.252.694	2.616.577.032
Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	264.000.000	603.800.000
<b>Cộng</b>	<b>2.575.252.694</b>	<b>3.220.377.032</b>

**Số dư với các bên liên quan**

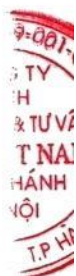
Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.3 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.4 "Phải thu ngắn hạn khác";
- Thuyết minh số 4.10 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.13 "Phải trả ngắn hạn khác".

**6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hiện nay, tình hình COVID-19 tiếp tục có những diễn biến khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**6.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của năm nay.

*Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán*

STT Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	195.227.063	195.227.063
2. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	1.656.633.527	(610.751.959)	1.045.881.568
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29.912.885.748	805.979.022	30.718.864.770


*Trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

STT Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.573.986.250	(805.979.022)	8.768.007.228
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.558.761.943	805.979.022	34.364.740.965
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.667	(148)	1.519
4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.667	(148)	1.519



Ngô Hồng Minh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 27 tháng 02 năm 2021

  
Võ Đức Hiếu  
Kế toán trưởng

  
Vũ Thị Thu Hà  
Người lập